

**‘ TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2023

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Được

Ông Nguyễn Trung Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh: Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 17/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp R, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt);

Bị đơn: Ông Lâm Văn C, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp R, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Á trình bày yêu cầu như sau:

+ *Về hôn nhân:* Bà và ông Lâm Văn C cưới nhau và sống chung với nhau năm 1988, nhưng không đăng ký kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2017 xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông C hay ghen nên khi đi uống rượu bia về ông C kiểm chuyện chửi, xúc phạm bà nên bà và ông C đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay, thời gian ly thân mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau vì vậy bà yêu cầu ly hôn với ông Lâm Văn C.

+ *Về con chung:* Bà Á và ông C chung sống với nhau có 04 người con chung là Lâm Văn M sinh năm 1989, Lâm Thị V sinh năm 1990, Lâm Văn V1

sinh năm 1992, Lâm Văn N sinh năm 1995, các con đã thành niên, bà A không yêu cầu giải quyết.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai của bị đơn ông Lâm Văn C trình bày và có yêu cầu như sau:

Ông và bà Nguyễn Thị A chung sống với nhau năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn, do đi làm thuê kiếm sống nên không có quan tâm việc đi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có 04 con chung theo như bà A trình bày và hiện tại các con đã thành niên. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, vợ chồng và các con đi làm thuê ở Bình Dương, năm 2020 ông C về quê quản lý nhà cửa, bà A và các con vẫn ở Bình Dương, đến năm 2023 bà A về thường xuyên kiếm chuyện cự cãi với ông, vợ chồng không quan tâm với nhau và ly thân nhau.

Nay bà A xin ly hôn thì ông không đồng ý vì ông vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà A, các con thì đã thành niên. Về tài sản chung và nợ chung ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Nguyễn Thị A và ông Lâm Văn C là vợ chồng. Về con chung đã thành niên, không yêu cầu nên không xét. Về tài sản chung, nợ chung bà A và ông C không yêu cầu nên không xét. Về án phí bà A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị A khởi kiện tranh chấp ly hôn với ông Lâm Văn C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lâm Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Theo lời khai của bà Nguyễn Thị A và ông Lâm Văn C thì bà A và ông Chính xác l quan hệ hôn nhân vào năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nhận thấy bà A và ông C sống chung với nhau từ năm 1988 cho đến khi phát sinh mâu thuẫn, theo bà A trình bày là năm 2017, ông C trình bày năm 2023, nhưng trong thời gian chung sống bà A và ông C có đủ điều kiện kết hôn mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình, vi phạm điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ –QH10 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X ngày 09 tháng 6 năm 2000. Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị A và ông Lâm Văn C là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Lâm Văn M sinh năm 1989, Lâm Thị V sinh năm 1990, Lâm Văn V1 sinh năm 1992, Lâm Văn N sinh năm 1995 đã thành niên, bà A và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[3] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9;14; 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ –QH10 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X ngày 09 tháng 6 năm 2000.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị A và ông Lâm Văn C là vợ chồng.

- Về con chung: Lâm Văn M sinh năm 1989, Lâm Thị V sinh năm 1990, Lâm Văn V1 sinh năm 1992, Lâm Văn N sinh năm 1995 đã thành niên, bà A và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà A và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0017444 ngày 11/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Bà A đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh